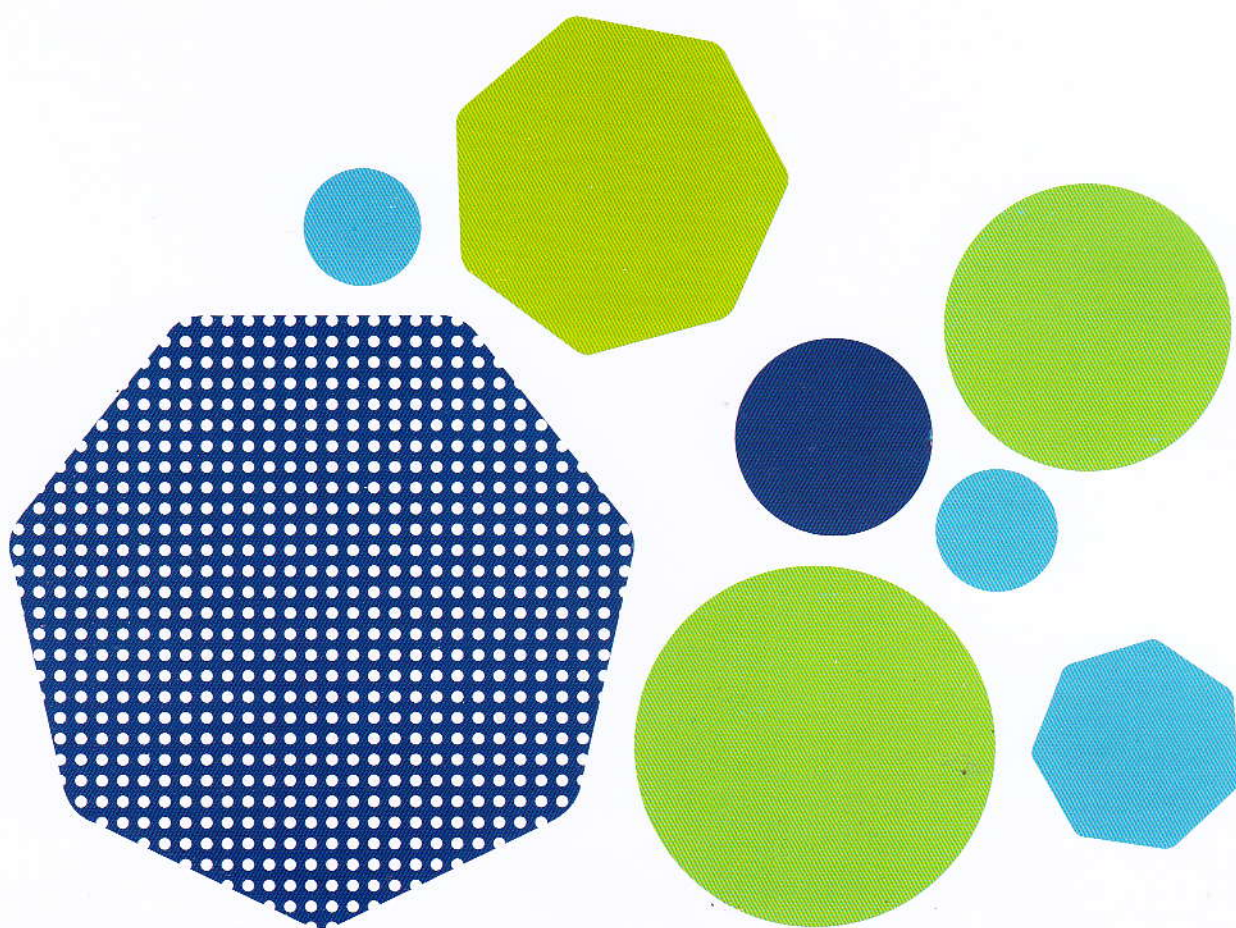


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên
Ông Hà Hữu Quang	Thành viên
Ông Dương Trung Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Vi Tường Thúy	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Dung	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Trần Thị Kiều Oanh.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Hữu Quang

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Số: 92/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.401.710.270	27.248.522.580
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.668.489.244	15.537.503.266
Tiền	111		7.563.157.185	12.437.503.266
Các khoản tương đương tiền	112		3.105.332.059	3.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	8.300.000.000	7.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	8.300.000.000	7.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.970.593.072	3.687.442.732
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	6.489.996.471	7.349.713.790
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	4.200.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6.774.203.225	6.831.335.566
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8,9	(10.493.606.624)	(10.493.606.624)
Hàng tồn kho	140	10	160.711.335	198.809.916
Hàng tồn kho	141		160.711.335	198.809.916
Tài sản ngắn hạn khác	150		301.916.619	24.766.666
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	261.916.619	16.666.666
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	40.000.000	8.100.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.181.159.166	1.883.132.999
Tài sản cố định	220		1.341.877.200	1.549.500.398
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.295.168.442	1.484.108.144
- Nguyên giá	222		19.980.477.518	20.403.396.851
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.685.309.076)	(18.919.288.707)
Tài sản cố định vô hình	227	12	46.708.758	65.392.254
- Nguyên giá	228		201.853.607	201.853.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(155.144.849)	(136.461.353)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		6.211.957.943	6.211.957.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.211.957.943)	(6.211.957.943)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.2	510.000.000	510.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.2	(510.000.000)	(510.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		839.281.966	333.632.601
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	839.281.966	333.632.601
TỔNG TÀI SẢN	270		28.582.869.436	29.131.655.579

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.398.064.925	3.969.688.870
Nợ ngắn hạn	310		1.614.464.925	3.186.088.870
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	99.916.775	407.907.005
Phải trả người lao động	314		215.000.000	1.577.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	87.500.000	82.772.715
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.212.048.150	1.118.409.150
Nợ dài hạn	330		783.600.000	783.600.000
Phải trả dài hạn khác	337	15	783.600.000	783.600.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.184.804.511	25.161.966.709
Vốn chủ sở hữu	410	16	26.184.804.511	25.161.966.709
Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	29.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.310.399.740	2.310.399.740
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.125.595.229)	(6.148.433.031)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(6.148.433.031)	(8.078.812.436)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.022.837.802	1.930.379.405
TỔNG NGUỒN VỐN	440		28.582.869.436	29.131.655.579

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	32.270.030.212	52.078.388.012
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.270.030.212	52.078.388.012
Giá vốn hàng bán	11	19	17.950.626.591	34.468.513.570
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.319.403.621	17.609.874.442
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	885.773.586	1.177.311.745
Chi phí tài chính	22	21	53.964.219	75.707.775
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	22	612.311.835	1.707.560.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	13.246.329.128	14.500.562.457
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.292.572.025	2.503.355.608
Thu nhập khác	31		10.000.000	175.334.659
Chi phí khác	32		-	94.506.903
Lợi nhuận khác	40		10.000.000	80.827.756
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.302.572.025	2.584.183.364
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	279.734.223	653.803.959
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.022.837.802	1.930.379.405
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	353	666
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	353	666

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		35.098.532.366	55.674.190.010
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(11.172.045.512)	(15.339.599.395)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(12.297.299.458)	(23.157.027.868)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(600.000.000)	(400.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		222.516.167	2.337.569.043
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(12.045.300.644)	(16.587.515.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(793.597.081)	2.527.616.532
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.300.000.000)	(9.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.600.000.000	10.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		574.239.174	945.095.042
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.115.760.826)	1.445.095.042
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.909.357.907)	3.972.711.574
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	15.537.503.266	11.497.660.521
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		40.343.885	67.131.171
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	10.668.489.244	15.537.503.266

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ Phần Điện tử Bình Hòa, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303207317 ngày 07/02/2006, đã đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 22/07/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy đăng ký giao dịch cổ phiếu số 88/TTGDHN – ĐKGD của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 19 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với các nội dung như sau:

- Loại cổ phiếu: Phổ thông;
- Mã chứng khoán: VBH;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu: 2.900.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 29.000.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch.

Ngày 26/05/2017, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm liên tiếp (năm 2014, năm 2015 và năm 2016) của Công ty bị lỗ.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm 2024 là gia công linh kiện, cụm linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

1.3 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh - Công ty liên kết. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất, kinh doanh các thiết bị điện, điện tử, công nghệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 30,02%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh đã tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 03 năm 2021 do không tuyển dụng được nhân lực, hoạt động không hiệu quả theo Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 02 năm 2021. Công ty xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh và đã lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 31/12/2023 đã được kiểm toán.

1.6 NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 141 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 202 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm. Trong năm Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 09
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm bản quyền hệ điều hành Microsoft và phần mềm kế toán Misa.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là nhà cửa vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Trong thời gian nắm giữ, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định tương tự của Công ty.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.14 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông được chốt chính thức và được UBCK chấp thuận.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá (chi tiết nhóm hàng hoá sản phẩm thực bán của Công ty), xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế....

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán phát sinh trong năm.

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 8% đối với các lô hàng hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	682.739.747	196.770.969
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.880.417.438	12.240.732.297
- Các khoản tương đương tiền (*)	3.105.332.059	3.100.000.000
Cộng	10.668.489.244	15.537.503.266

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn 03 tháng, gồm: 3.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 1,8%/năm; và 105.332.059 đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank) PGD Nơ Trang Long với lãi suất 2,8%/năm.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	261.916.619	16.666.666
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	22.674.997	16.666.666
- Chi phí sửa chữa	174.752.089	-
- Các khoản khác	64.489.533	-
b) Dài hạn	839.281.966	333.632.601
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	7.272.726
- Chi phí phân bổ khác	167.965.112	-
- Chi phí sửa chữa	518.072.406	81.168.763
- Phí cài tạo mạng lưới điện	153.244.448	245.191.112
Cộng	1.101.198.585	350.299.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	8.300.000.000	8.300.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (1)	8.300.000.000	8.300.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.300.000.000	8.300.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000

(1) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất từ 2,8% đến 3,1%/năm.

6.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	510.000.000	(510.000.000)	(*)	510.000.000	(510.000.000)	(*)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (1)	510.000.000	(510.000.000)	(*)	510.000.000	(510.000.000)	(*)
Cộng	510.000.000	(510.000.000)		510.000.000	(510.000.000)	

(1) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 0302720205 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 8 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với hoạt động chính là gia công, sản xuất linh kiện điện tử. Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh chiếm tỷ lệ 30% trên vốn thực góp. Công ty đã xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh và lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	4.200.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc (1)	4.200.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.200.000.000	-	-	-

(1) Khoản cho vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2024/HĐVV/VBH-VVPC với Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc, với các điều khoản như sau:

- Số tiền cho vay: 5.000.000.000 đồng;
- Mục đích: Mua tài sản là nhà xưởng và công trình trên đất tại KCN Bình Xuyên 2, Thị trấn Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lãi suất: 4,5%/năm;
- Thời hạn: Từ ngày 05/01/2024 đến ngày 29/03/2024;
- Phương thức đảm bảo: tài sản hình thành trong tương lai của vốn vay theo hợp đồng.

(*) Phụ lục hợp đồng 03 của Hợp đồng số: 01/2024/HĐVV/VBH-VVPC ngày 05/01/2024 với Công ty Cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc với nội dung:

- Số tiền cho vay: 4.200.000.000 đồng;
- Gia hạn thời hạn vay: từ ngày 28/12/2024 đến hết ngày 27/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	6.489.996.471	(3.774.418.106)	7.349.713.790	(3.774.418.106)
- Tohozince Co., LTD	793.816.698	-	2.129.933.624	-
- Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	(2.671.677.540)	2.671.677.540	(2.671.677.540)
- Công ty Cổ phần Điện tử Thủ đức 1	668.107.020	(668.107.020)	668.107.020	(668.107.020)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	273.131.651	(273.131.651)
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97.369.095	(97.369.095)	97.369.095	(97.369.095)
- Ông Huỳnh Anh Hiệp	64.132.800	(64.132.800)	64.132.800	(64.132.800)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.921.761.667	-	1.445.362.060	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.489.996.471	(3.774.418.106)	7.349.713.790	(3.774.418.106)

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số 27.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	6.774.203.225	(6.719.188.518)	6.831.335.566	(6.719.188.518)
- Các khoản chi hộ	55.014.707	-	112.147.048	-
- Phải thu khác	6.719.188.518	(6.719.188.518)	6.719.188.518	(6.719.188.518)
+ Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long (1)	2.570.029.600	(2.570.029.600)	2.570.029.600	(2.570.029.600)
+ Công ty TNHH Kiến Quang (1)	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
+ Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco (2)	1.949.158.918	(1.949.158.918)	1.949.158.918	(1.949.158.918)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.774.203.225	(6.719.188.518)	6.831.335.566	(6.719.188.518)

c) Phải thu khác là các bên liên quan được thuyết minh tại Thuyết minh số 27.2

- (1) Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp từ các năm 2013 và 2014 nhưng hợp đồng không được thực hiện;
- (2) Khoản phải thu Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco gồm khoản ứng trước 446.500.000 đồng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty và Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco để thực hiện dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên, hợp đồng hợp tác đã ngừng triển khai và khoản phải thu lãi chậm trả là 1.502.658.918 đồng.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	71.435.353	-	90.020.362	-
Công cụ, dụng cụ	89.275.982	-	108.789.554	-
Cộng	160.711.335	-	198.809.916	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2024	16.566.587.624	90.289.040	3.072.416.187	189.354.000	484.750.000	20.403.396.851
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(422.919.333)	-	-	(422.919.333)
31/12/2024	16.566.587.624	90.289.040	2.649.496.854	189.354.000	484.750.000	19.980.477.518
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	(16.566.587.624)	(90.289.040)	(2.020.341.071)	(177.078.291)	(64.992.681)	(18.919.288.707)
- Khấu hao trong năm	-	-	(117.009.350)	(11.336.604)	(60.593.748)	(188.939.702)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	422.919.333	-	-	422.919.333
31/12/2024	(16.566.587.624)	(90.289.040)	(1.714.431.088)	(188.414.895)	(125.586.429)	(18.685.309.076)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	-	-	1.052.075.116	12.275.709	419.757.319	1.484.108.144
31/12/2024	-	-	935.065.766	939.105	359.163.571	1.295.168.442

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 18.245.463.882 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 18.668.383.215 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	201.853.607	201.853.607
31/12/2024	<u>201.853.607</u>	<u>201.853.607</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2024	(136.461.353)	(136.461.353)
- Khấu hao trong năm	(18.683.496)	(18.683.496)
31/12/2024	<u>(155.144.849)</u>	<u>(155.144.849)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>65.392.254</u>	<u>65.392.254</u>
31/12/2024	<u>46.708.758</u>	<u>46.708.758</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 108.436.107 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 108.436.107 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	26.688.665	1.179.349.492	1.167.073.945	38.964.212
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	381.218.340	279.734.223	600.000.000	60.952.563
- Thuế thu nhập cá nhân	-	81.532.691	81.532.691	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.860.088.417	6.860.088.417	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	407.907.005	8.404.704.823	8.712.695.053	99.916.775
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	8.100.000	-	31.900.000	40.000.000
	8.100.000	-	31.900.000	40.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	87.500.000	82.772.715
- Trích trước tiền điện	87.500.000	82.772.715
b) Dài hạn	-	-
Cộng	87.500.000	82.772.715

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.212.048.150	1.118.409.150
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.212.048.150	1.118.409.150
b) Dài hạn	783.600.000	783.600.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	783.600.000	783.600.000
Cộng	1.995.648.150	1.902.009.150

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	29.000.000.000	2.310.399.740	(8.078.812.436)	23.231.587.304
- Lãi trong năm trước	-	-	1.930.379.405	1.930.379.405
31/12/2023	29.000.000.000	2.310.399.740	(6.148.433.031)	25.161.966.709
01/01/2024	29.000.000.000	2.310.399.740	(6.148.433.031)	25.161.966.709
- Lãi trong năm nay	-	-	1.022.837.802	1.022.837.802
31/12/2024	29.000.000.000	2.310.399.740	(5.125.595.229)	26.184.804.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số vốn góp VND	Tỉ lệ vốn góp %	Số vốn góp VND	Tỉ lệ vốn góp %
- Tổng Công ty Cổ phần điện tử Tin học Việt Nam	14.790.000.000	51,00%	14.790.000.000	51,00%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	7.911.000.000	27,28%	7.911.000.000	27,28%
- Các cổ đông khác	6.299.000.000	21,72%	6.299.000.000	21,72%
Cộng	29.000.000.000	100,00%	29.000.000.000	100,00%

16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	29.000.000.000	29.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.000.000.000	29.000.000.000
Cổ tức đã chia trong năm	-	-

16.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.900.000	2.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

16.5 CÁC QUỸ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.310.399.740	2.310.399.740

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	86.872,92	76.722,34
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	30.303.500	30.303.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	12.834.086.532	32.210.853.868
- Doanh thu bán vật tư	315.165.315	555.592.583
- Doanh thu khác	19.120.778.365	19.311.941.561
Cộng	<u>32.270.030.212</u>	<u>52.078.388.012</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
- Giá vốn bán thành phẩm	13.549.556.933	29.724.056.579
- Giá vốn bán vật tư	94.660.434	215.672.609
- Giá vốn kinh doanh khác	4.306.409.224	4.528.784.382
Cộng	<u>17.950.626.591</u>	<u>34.468.513.570</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	574.239.174	743.095.042
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	266.433.504	374.711.556
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	45.100.908	59.505.147
Cộng	<u>885.773.586</u>	<u>1.177.311.745</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	53.964.219	75.707.775
Cộng	<u>53.964.219</u>	<u>75.707.775</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng	612.311.835	1.707.560.347
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	523.476.715	1.610.694.391
- Chi phí xuất hàng	57.675.120	96.865.956
- Chi phí bằng tiền khác	31.160.000	-
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	13.246.329.128	14.500.562.457
- Chi phí nhân viên quản lý	4.705.259.939	6.014.746.526
- Chi phí vật liệu quản lý	49.134.225	66.136.196
- Chi phí đồ dùng văn phòng	488.760.508	413.177.294
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	147.029.450	137.815.378
- Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	4.804.409.244	4.747.050.999
- Chi phí thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	192.000.000	192.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	2.859.735.762	2.929.636.064
Cộng	13.858.640.963	16.208.122.804

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	1.054.049.814	3.014.243.424
- Chi phí nhân công	14.375.502.582	28.010.423.455
- Khấu hao tài sản cố định	207.623.198	198.409.126
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.297.730.744	8.763.884.784
- Chi phí bằng tiền khác	7.840.439.891	12.794.048.867
Cộng	33.775.346.229	52.781.009.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.302.572.025	2.584.183.364
Các khoản chi phí không được khấu trừ	141.200.000	377.138.903
- Tiền lương và phụ cấp HDQT	132.000.000	150.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	9.200.000	227.138.903
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập	45.100.908	59.505.147
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	45.100.908	59.505.147
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	1.398.671.117	2.901.817.120
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	279.734.223	580.363.424
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu năm 2022	-	73.440.535
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	279.734.223	653.803.959

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.022.837.802	1.930.379.405
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	353	666

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

27.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có số dư với các Bên liên quan bao gồm:

Đối tượng	Mối quan hệ
- Tổng Công ty CP Điện tử Tin học Việt Nam	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Hà Hữu Quang	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Dương Trung Dũng	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc	324.032.800	486.668.200
Ông Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc	214.370.000	347.521.000
Tổng		670.402.800	966.189.200

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	273.131.651
Phải thu khác là bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	1.949.158.918

Trong năm, Công ty không có giao dịch và số dư đối với Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học Việt Nam (Công ty mẹ của Công ty).

27.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang